

Số: **44** /2021/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **20** tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình  
xúc tiến thương mại tỉnh Thừa Thiên Huế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương;*

*Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1191/TTr-SCT ngày 08 tháng 6 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 8 năm 2021.



### **Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế, Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CVP và các PVP UBND tỉnh;
- Hiệp hội DN tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phan Quý Phương**

## QUY CHẾ

### **Xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Thừa Thiên Huế**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **44**/2021/QĐ-UBND ngày **20** tháng 7 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

## **Chương I** **QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Thừa Thiên Huế (viết tắt là Chương trình).

#### 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan quản lý Chương trình, đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình, đơn vị tham gia thực hiện Chương trình và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 2. Mục tiêu Chương trình**

1. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường trong nước, phát triển ngoại thương, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế trong từng thời kỳ.

2. Góp phần nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

3. Tăng cường khả năng cạnh tranh, kết nối, giao thương, nâng cao lợi thế so sánh cho một số sản phẩm chủ lực của tỉnh.

### **Điều 3. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình**

1. Đơn vị chủ trì gồm: Trung tâm Xúc tiến thương mại thuộc Sở Công Thương; các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh có thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại, có đề án hoặc kế hoạch xúc tiến thương mại (viết tắt là đề án) đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu và tiêu chí quy định tại Quy chế này và được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Đơn vị chủ trì phải có đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có tư cách pháp nhân;

b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện các Chương trình, đề án về xúc tiến thương mại;

c) Nắm rõ nhu cầu xúc tiến thương mại của các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất, kinh doanh;

d) Có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại;

đ) Thực hiện Chương trình, đề án nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, không nhằm mục đích lợi nhuận.

3. Đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ theo quy định của Quy chế này để triển khai thực hiện đề án và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **Điều 4. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình**

1. Đơn vị tham gia là các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể trong tỉnh Thừa Thiên Huế được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành, trực tiếp tham gia thực hiện nội dung các đề án được hỗ trợ kinh phí thực hiện theo Quy chế này.

2. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình được hỗ trợ nguồn kinh phí thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

#### **Điều 5. Cơ quan quản lý Chương trình**

Sở Công Thương là cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giao trách nhiệm quản lý Chương trình, chịu trách nhiệm phối hợp với các ngành, địa phương liên quan tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Phê duyệt Chương trình hàng năm và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình từng thời kỳ.

2. Hướng dẫn xây dựng đề án xúc tiến thương mại theo quy định tại Quy chế này.

3. Đánh giá, thẩm định danh mục các đề án do các đơn vị chủ trì đăng ký thực hiện để tổng hợp xây dựng chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh hàng năm.

4. Phê duyệt các đề án chi tiết trong Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm của tỉnh.

5. Chỉ đạo tổ chức triển khai, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các đề án thuộc chương trình.

6. Thực hiện quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh theo quy định.

7. Tổng hợp, đánh giá kết quả, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình theo quy định.

#### **Điều 6. Kinh phí thực hiện Chương trình**

1. Ngân sách nhà nước cấp.
2. Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình.
3. Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
4. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 7. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được phân bổ trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Sở Công Thương.
2. Hỗ trợ đơn vị tham gia Chương trình thông qua các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình.
3. Đơn vị chủ trì và các đơn vị tham gia chương trình phải bảo đảm sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả; chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành và theo Quy chế này.
4. Trong cùng một nội dung, đối tượng thụ hưởng đã được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác của Nhà nước thì không được xem xét, hỗ trợ từ nguồn kinh phí xúc tiến thương mại này.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ**

#### **Điều 8. Hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương**

1. Chi hỗ trợ “Tổ chức tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài”: Hỗ trợ tối đa 100% các khoản chi phí sau:

Chi phí thuê gian hàng; chi phí thiết kế, dàn dựng, trang trí gian hàng chung; Chi phí tuyên truyền quảng bá và mời khách đến giao dịch tại gian hàng; chi phí vận chuyển tư liệu, hàng hóa trưng bày; chi phí làm thủ tục hải quan cho hàng hóa chung của tỉnh; chi phí dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa có trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng); Chi phí trình diễn sản phẩm: thuê địa điểm, thiết kế và trang trí sân khấu, âm thanh, ánh sáng, trang thiết bị, người trình diễn, người dẫn chương trình, phiên dịch; công tác phí cho cán bộ cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình, cán bộ của đơn vị chủ trì (hoặc cán bộ tham gia đoàn do cơ quan có thẩm quyền cử đi) thực hiện công tác tổ chức, quản lý đoàn; chi phí biên, phiên dịch; chi phí khác (nếu có).

2. Chi hỗ trợ “Tổ chức đoàn doanh nghiệp của tỉnh khảo sát thị trường, giao dịch thương mại với tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài”. Đoàn đa ngành có tối thiểu 06 doanh nghiệp tham gia; Đoàn chuyên ngành có tối thiểu 04 doanh nghiệp tham gia: Hỗ trợ tối đa 100% các khoản chi phí:

- Tuyên truyền, quảng bá và mời các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài đến giao thương: Tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông; tổ chức giới thiệu, thông tin về đoàn doanh nghiệp;

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, kết nối giao thương: Hội trường, thiết bị, trang trí, khu trưng bày sản phẩm, phiên dịch, lễ tân, giải khát giữa giờ, tài liệu, thẻ tên, văn phòng phẩm;

- Công tác phí cho cán bộ cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình, cán bộ của đơn vị chủ trì thực hiện công tác tổ chức, quản lý đoàn và người tham gia do cơ quan có thẩm quyền cử đi;

- Các hoạt động tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì;

- Đối với đơn vị tham gia hỗ trợ 50% chi phí: Tiền vé máy bay, vé tàu, vé xe từ Việt Nam đến nước công tác và ngược lại (kể cả vé máy bay, vé tàu xe trong nội địa nước đến công tác), chi phí vận chuyển hàng mẫu và chi phí ăn, ở.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là: 10 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Châu Á; 20 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực: Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á; 30 triệu đồng)/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ Latinh.

### **Điều 9. Hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại phát triển thị trường trong nước**

1. Chi hỗ trợ “Tổ chức hội chợ, triển lãm trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế”: Hỗ trợ 50% các khoản chi phí sau:

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;
- Dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa có trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng);
- Chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm; trang trí chung của hội chợ triển lãm;
- Trang trí chung của hội chợ triển lãm;
- Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;
- Tổ chức hội thảo: chi phí thuê hội trường, thiết bị;
- Chi phí tuyên truyền quảng bá giới thiệu hội chợ triển lãm;
- Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung này không quá 10 triệu đồng/01 đơn vị tham gia.

2. Chi hỗ trợ “Tổ chức tham gia hội chợ, triển lãm tại các tỉnh, thành phố trong nước”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí cho các đơn vị chủ trì tổ chức khu

gian hàng chung của tỉnh để quảng bá các sản phẩm nông sản, đặc sản, thủ công mỹ nghệ của tỉnh, các khoản chi phí gồm:

Chi phí thuê gian hàng triển lãm chung của tỉnh; chi phí thiết kế, dàn dựng và trang trí gian hàng chung; chi phí vận chuyển hàng hóa trưng bày tại hội chợ; chi phí tuyên truyền quảng bá và mời khách đến giao dịch tại gian hàng; chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm (nếu có); chi phí công tác phí cho cán bộ của Đoàn chủ trì (bao gồm cán bộ cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình).

3. Chi hỗ trợ “Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn, chương trình kết nối giao thương”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí sau:

- Tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức hoạt động: In, treo băng rôn, cờ phướn, xe loa cổ động; thông tin trên báo chí, truyền thanh, truyền hình...;

- Tổ chức gian hàng, khu vực trưng bày giới thiệu sản phẩm;

- Tổ chức hội nghị, chương trình kết nối giao thương: Nội dung chi và mức chi hội nghị theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Các khoản chi khác (nếu có).

4. Chi hỗ trợ “Tổ chức các hoạt động bán hàng Việt đến người tiêu dùng”:

a) Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện Phiên chợ hàng Việt về miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 150 triệu đồng/01 phiên;

- Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện Phiên chợ hàng Việt về nông thôn, phiên chợ hàng Việt phục vụ công nhân các khu công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 105 triệu đồng/01 phiên.

b) Các khoản chi phí thực hiện Phiên chợ hàng Việt về miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc; Phiên chợ hàng Việt về nông thôn, phiên chợ hàng Việt phục vụ công nhân các khu công nghiệp, được hỗ trợ như sau:

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;

- Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ;

- Trang trí chung của khu vực tổ chức hoạt động bán hàng;

- Chi phí vận chuyển;

- Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

- Chi phí quản lý, nhân công phục vụ: Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm;

- Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng: In, treo băng rôn, cờ phướn, xe loa cổ động; thông tin trên báo chí, truyền thanh, truyền hình,...

- Các khoản chi khác (nếu có).

5. Chi hỗ trợ “Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại nhằm phát triển thị trường nội địa” gồm: Tháng bán hàng khuyến mại; tuần hàng Việt Nam; chương trình hàng Việt; chương trình giới thiệu sản phẩm mới và sản phẩm đặc sản của tỉnh: Hỗ trợ 50% các khoản chi phí sau:

- Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức chương trình: In, treo băng rôn, cờ phướn, xe loa cổ động; thông tin trên báo chí, truyền thanh, truyền hình...

- Chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;

- Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ;

- Trang trí chung của khu vực tổ chức trưng bày;

- Chi phí vận chuyển hàng hóa;

- Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

- Chi phí quản lý, nhân công phục vụ: Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm;

- Các khoản chi khác (nếu có).

6. Chi hỗ trợ “Xây dựng các cửa hàng tiện ích tiêu thụ nông sản an toàn”, “Xây dựng điểm bán hàng Việt”: Hỗ trợ các khoản chi phí sau:

- Chi phí kệ, tủ trưng bày, giới thiệu sản phẩm; chi phí thiết kế, in ấn pa nô, biển hiệu và các hoạt động tuyên truyền, quảng bá;

- Khảo sát lựa chọn địa điểm, thẩm định đánh giá sản phẩm và các khoản chi phí khác (nếu có);

Mức hỗ trợ 100% đối với “Xây dựng các cửa hàng tiện ích tiêu thụ nông sản an toàn”; hỗ trợ 70% đối với “Xây dựng điểm bán hàng Việt”.

Hỗ trợ tối đa không quá 45 triệu đồng/01 địa điểm.

7. Chi hỗ trợ “Đào tạo, tập huấn ngắn hạn nâng cao nghiệp vụ sản xuất, kinh doanh, kỹ năng, nghiệp vụ xúc tiến thương mại, kỹ năng phát triển thị trường trong nước; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng phát triển thị trường trong nước”: Hỗ trợ 100% đối với các khoản chi:

Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên và các khoản chi khác (nếu có) hoặc học phí trọn gói của khóa học đối với đơn vị chủ trì theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy chế này.



8. Chi hỗ trợ “Tổ chức đoàn giao thương xúc tiến tiêu thụ các sản phẩm đặc sản, chủ lực của tỉnh; khảo sát thị trường, học tập kinh nghiệm; tham gia các chương trình, hội nghị, hội thảo về xúc tiến thương mại tại các tỉnh, thành phố trong nước”.

a) Đối với đơn vị chủ trì:

Hỗ trợ 100% các khoản kinh phí: Công tác phí cho cán bộ cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình, cán bộ của đơn vị chủ trì đi thực hiện công tác tổ chức, quản lý đoàn, người tham gia do cơ quan có thẩm quyền cử đi. Mức chi công tác phí theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Chi phí tổ chức gian hàng, khu vực trưng bày giới thiệu sản phẩm, các khoản chi khác (nếu có).

b) Đối với đơn vị tham gia: Hỗ trợ 50% chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, phòng nghỉ, mức hỗ trợ tối đa không quá 03 triệu đồng/01 đơn vị tham gia.

9. Chi “Hỗ trợ hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hoá và dịch vụ tỉnh Thừa Thiên Huế đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác”: Hỗ trợ 100% chi phí thực hiện nội dung sản phẩm truyền thông và phát hành.

10. Chi hỗ trợ “Hoạt động thương mại điện tử: Duy trì và phát triển website công thông tin sản phẩm đặc sản Huế nhằm phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu, sản phẩm, thông tin thị trường”:

Hỗ trợ 100% các khoản chi phí: Duy trì website; quản trị hệ thống kỹ thuật; quảng bá website; Cung cấp tin, bài, hình ảnh cho website, thù lao, nhuận bút theo quy định hiện hành của tỉnh.

### **Chương III**

## **XÂY DỰNG , PHÊ DUYỆT VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

### **CHƯƠNG TRÌNH**

#### **Điều 10. Xây dựng, thẩm định danh mục đề án xúc tiến thương mại**

1. Các đơn vị chủ trì đăng ký danh mục đề án và kinh phí thực hiện đến Sở Công Thương trước ngày 30 tháng 8 của năm trước năm kế hoạch.

2. Sở Công Thương thẩm định, tổng hợp danh mục và dự toán kinh phí các đề án xúc tiến thương mại do các đơn vị chủ trì đề xuất; xây dựng kế hoạch, dự toán

kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh và tổng hợp chung trong dự toán ngân sách nhà nước của Sở Công Thương, gửi Sở Tài chính tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách nhà nước tỉnh hàng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

### **Điều 11. Xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện Chương trình**

1. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán ngân sách hàng năm, Giám đốc Sở Công Thương phê duyệt Chương trình và kinh phí được hỗ trợ theo nguyên tắc tổng kinh phí hỗ trợ để thực hiện các đề án của Chương trình không vượt quá dự toán được phê duyệt; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Căn cứ Chương trình của Giám đốc Sở Công Thương:

a) Đơn vị chủ trì xây dựng đề án theo mẫu do Sở Công Thương quy định và trình Sở Công Thương xem xét, phê duyệt để triển khai thực hiện.

b) Các đề án phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Phù hợp với nhu cầu thực tế của đơn vị;
- Phù hợp với định hướng xuất khẩu của tỉnh và mặt hàng hỗ trợ phát triển;
- Phù hợp với nội dung chương trình quy định tại Điều 3, Điều 8, Điều 9 Quy chế này;
- Đảm bảo tính khả thi về: Nội dung, phương thức triển khai, thời gian, tiến độ triển khai, nguồn nhân lực và kinh phí được cấp.

c) Đối với Chương trình xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương có tổ chức đoàn đi công tác nước ngoài (đoàn ra), đơn vị chủ trì phải thực hiện theo Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Trên cơ sở đề án được phê duyệt, đơn vị chủ trì chủ động phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan và các đơn vị tham gia để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung đề án được phê duyệt.

4. Trường hợp có điều chỉnh, thay đổi nội dung, thời gian thực hiện đề án đã được phê duyệt, đơn vị chủ trì phải có văn bản giải trình rõ lý do và đề xuất phương án điều chỉnh gửi Sở Công Thương.

5. Trường hợp đơn vị chủ trì không thực hiện đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ Chương trình đã được phê duyệt hoặc xét thấy nội dung đề án không còn phù hợp, Sở Công Thương xem xét, quyết định chấm dứt việc thực hiện.

### **Điều 12. Phân cấp phê duyệt đề án**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt đối với các đề án có mức hỗ trợ từ Chương trình từ 500 triệu đồng trở lên sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Công Thương, Sở Tài chính và các ngành liên quan.

2. Giám đốc Sở Công Thương thẩm định và phê duyệt đối với các đề án có mức hỗ trợ từ Chương trình dưới 500 triệu đồng và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 13. Trách nhiệm thực hiện**

##### **1. Sở Công Thương**

a) Chủ trì hướng dẫn và triển khai thực hiện Quyết định này;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chương trình được thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật; Hướng dẫn đơn vị chủ trì xây dựng Đề án, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, có hiệu quả, bảo đảm quyết toán kinh phí được cấp theo quy định hiện hành.

c) Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kết quả thực hiện Chương trình hàng năm trước ngày 15 tháng 01 năm sau;

d) Không tiếp nhận chương trình trong năm tiếp theo đối với đơn vị chủ trì vi phạm các quy định tại Quy chế này.

##### **2. Sở Tài chính**

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp cho các hoạt động xúc tiến thương mại trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách và dự toán của Sở Công Thương.

b) Thực hiện cấp phát, thẩm tra việc sử dụng và quyết toán nguồn vốn xúc tiến thương mại theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

##### **3. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế**

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị chủ trì trong việc tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án xúc tiến thương mại của tỉnh; thông báo nội dung Quy chế này đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đơn vị, địa phương mình quản lý biết, thực hiện.

##### **4. Đơn vị chủ trì**

a) Tổ chức thực hiện đề án thuộc Chương trình đã được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán được giao; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm về các nội dung chi theo đúng chế độ quản lý tài chính của Nhà nước và Quy chế này;

b) Đối với nội dung đề án có nhiều đơn vị tham gia chương trình, đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp và phân công các đơn vị tham gia thực hiện từng nội dung của đề án;

c) Có trách nhiệm lựa chọn đơn vị tham gia phù hợp các tiêu chí đã cam kết trong đề án; Nội dung tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh phải phù hợp với sản phẩm, dịch vụ của từng đơn vị;

d) Báo cáo về Sở Công Thương về các trường hợp đơn vị tham gia không tuân thủ các quy định tham gia của chương trình;

đ) Đơn vị chủ trì thực hiện chương trình có trách nhiệm gửi báo cáo đánh giá kết quả thực hiện đề án về Sở Công Thương chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc các nội dung của đề án; định kỳ gửi báo cáo tình hình thực hiện đề án về Sở Công Thương (báo cáo 6 tháng trước ngày 30/6, báo cáo năm trước ngày 15 tháng 01 năm kế tiếp, số liệu báo cáo tính đến thời điểm 31 tháng 12);

e) Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện đề án và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định hiện hành.

#### 5. Đơn vị tham gia

a) Thực hiện đăng ký tham gia chương trình theo quy định;

b) Phối hợp chặt chẽ, thực hiện nghiêm túc các quy định, đầy đủ các nội dung khi tham gia các chương trình theo hướng dẫn của đơn vị chủ trì, đảm bảo tham gia thực hiện chương trình có hiệu quả;

c) Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện đề án, kế hoạch; chịu trách nhiệm trước pháp luật về các tài liệu, thông tin đã cung cấp;

d) Phối hợp với đơn vị chủ trì thực hiện thanh quyết toán sau khi kết thúc từng nội dung chương trình; chấp hành các chế độ báo cáo, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kiểm tra, thanh tra của cơ quan có thẩm quyền đối với khoản kinh phí được hỗ trợ khi được yêu cầu.

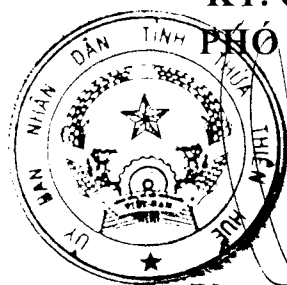
#### **Điều 14. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để nghiên cứu, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phan Quý Phương**